

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>A. Các quy định chung</b>	
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Chủ đầu tư là: Công ty Điện lực Sơn La – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc Địa chỉ: Số 160, đường 3/2, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La Điện thoại: 0212.2210.201; Fax: 0212.3852.913 Số tài khoản: 7851 1001 81008 tại: Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sơn La Mã số thuế: 0100100417-017
<b>E-ĐKC 1.5</b>	Công trình bao gồm: - Tên công trình: Xây dựng, cải tạo nâng cao năng lực vận hành lưới điện khu vực xã Mường Bú, xã Mường La tỉnh Sơn La năm 2025. - Địa điểm thi công gói thầu: Tại các xã Mường Bú, Mường La, tỉnh Sơn La.
<b>E-ĐKC 1.8</b>	Địa điểm Công trường tại các xã Mường Bú, Mường La, tỉnh Sơn La, và được xác định trong Tập bản vẽ (Có tập bản vẽ kèm theo HSMT).
<b>E-ĐKC 1.13</b>	Ngày hoàn thành là 120 ngày.
<b>E-ĐKC 1.14</b>	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Quy định hoàn thành các phần công trình:
<b>E-ĐKC 1.15</b>	Ngày khởi công là: Dự kiến tháng 12/2025
<b>E-ĐKC 1.16</b>	Nhà thầu là: <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
<b>E-ĐKC 1.26</b>	Tư vấn giám sát là: Ban QLDA – Công ty Điện lực Sơn La
<b>E-ĐKC 2.1</b>	Hoàn thành từng phần: - Hàng hóa: Nhà thầu đề xuất thời gian cung cấp đầy đủ hàng hóa cho gói thầu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực. - Xây lắp: Nhà thầu đề xuất thời gian thi công xây lắp hoàn thành công trình.
<b>E-ĐKC 2.3</b> <b>(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: + Quyết định phê duyệt BCKTKT xây dựng công trình.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hồ sơ BCKTKT xây dựng công trình được phê duyệt.</li> <li>+ Hồ sơ mời thầu được phê duyệt.</li> <li>+ Hồ sơ dự thầu đã trúng thầu của nhà thầu được phê duyệt.</li> <li>+ Biên bản thương thảo hợp đồng.</li> <li>+ Quyết định trúng thầu.</li> <li>+ Biên bản hoàn thiện hợp đồng.</li> <li>+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</li> <li>+ Các tài liệu khác có liên quan.</li> </ul>
<p><b>E-ĐKC 5.2</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.</li> <li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là:          Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang.          Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.          Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.          Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.          Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:  <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu</li> </ul> </li> </ul>

	<p>lực;</p> <p>+ Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>+ Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;</p> <p>+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</p> <p>+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 5.4</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng từ Bên B.
<b>E-ĐKC 7.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
<b>E-ĐKC 7.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 7.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không có
<b>E-ĐKC 14</b>	Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu
<b>E-ĐKC 15</b>	Thông tin về Công trường là: các xã Mường Bú, Mường La, tỉnh Sơn La.

<b>E-ĐKC 18</b>	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: trong vòng 05 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực; địa điểm tại các xã Mường Bú, Mường La, tỉnh Sơn La.
<b>E-ĐKC 21.2</b>	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Nếu sau khi tiến hành hòa giải không được các bên sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp</p> <p>Thời gian giải quyết tranh chấp: 30 ngày</p> <p>Các bên thống nhất nơi giải quyết tranh chấp: Tòa án nhân dân có thẩm quyền.</p> <p>Chi phí giải quyết tranh chấp: Nhà thầu chịu</p> <p>Đơn đề nghị giải quyết tranh chấp: Do bên chủ đầu tư hoặc bên nhà thầu</p>
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 22</b>	<p>- Ngày khởi công: Dự kiến ngày 25/12/2025</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: Dự kiến ngày 25/04/2026</p>
<b>E-ĐKC 23.1</b>	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 05 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
<b>E-ĐKC 23.4</b>	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 14 ngày/1 lần</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 100.000.000 VNĐ</p>
<b>E-ĐKC 24.3</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <p>Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng.</li> <li>- Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng.</li> <li>- Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu.</li> <li>- Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.</li> </ul>
<b>C. Quản lý chất lượng</b>	
<b>E-ĐKC 27.2</b>	Vật tư, máy móc, thiết bị:

	<p>- Đối với dây dẫn, dây cáp, cách điện: Nhà thầu cung cấp biên bản thử nghiệm điển hình do đơn vị thí nghiệm độc lập cấp (Đơn vị thử nghiệm độc lập: Công ty TNHH MTV thí nghiệm điện miền Bắc hoặc đơn vị thử nghiệm có năng lực tương đương được chủ đầu tư chấp thuận), số lượng lấy mẫu thử theo quy định tại Văn bản số 4048/EVNNPC-KT ngày 16/09/2019 và Văn bản số 3029/EVNNPC-KT ngày 09/6/2021 của Tổng công ty Điện lực miền Bắc.</p> <p>- Đối với Cột bê tông cung cấp biên bản lấy mẫu và kết quả thử nghiệm của từng chủng loại cột của đơn vị giám định độc lập.</p> <p>- Tất cả vật tư thiết bị, vật liệu nhà thầu mua sắm, sản xuất, cung ứng vào lắp đặt tại công trường đều phải mới 100%. Nhà thầu phải cung cấp các tư cách pháp nhân của nhà sản xuất các vật tư thiết bị chính, các thử nghiệm theo quy định trước khi lắp đặt.</p> <p>- Nhà thầu cung cấp các chứng từ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chứng chỉ chất lượng, số lượng của Nhà sản xuất (C/Q): 01 bản sao công chứng (đối với hàng hóa nhập khẩu); 01 bản gốc và 03 bản sao y của nhà thầu (đối với hàng hóa trong nước).</li> <li>+ Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (C/O): 03 bản sao y công chứng (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài).</li> <li>+ Vận đơn (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài): 03 bản sao y của nhà nhập khẩu.</li> </ul> <p>- Nhà thầu cung cấp đầy đủ các yếu tố sau đây để đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công xây dựng công trình, thực hiện hợp đồng bao gồm: Cung cấp Sim CA đăng ký chữ ký số để sử dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng; Cử cán bộ kỹ thuật có đăng ký chữ ký số, thường xuyên tham gia hệ thống phần mềm thực hiện ký chữ ký số CA; Thực hiện việc ghi nhật ký thi công điện tử/ biên bản nghiệm thu điện tử, quản lý chất lượng thi công bằng hình ảnh.</p>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 33</b>	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
<b>E-ĐKC 34.1</b>	Giá hợp đồng: Cố định
<b>E-ĐKC 35.1</b>	<p>- Tạm ứng: 30% giá trị hợp đồng (giá trị trước thuế)</p> <p>- Thời gian tạm ứng: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực</p> <p>- Số lần tạm ứng: Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 01 (một) lần trong vòng 30 ngày khi có: Giấy yêu cầu tạm ứng và Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với giá trị tương ứng giá trị được</p>

	<p>tạm ứng nêu trên.</p> <p>- Giá trị tạm ứng sẽ được Chủ đầu tư thu hồi theo từng đợt thanh toán trên cơ sở khối lượng nghiệm thu hoàn thành của nhà thầu, và thu hồi hết tạm ứng khi khối lượng nghiệm thu hoàn thành đạt đến 80% giá trị hợp đồng.</p> <p>- Bảo lãnh tạm ứng:</p> <p>Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</p> <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p><b>E-DKC 37.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.</li> <li>- Số lần thanh toán không hạn chế.</li> <li>- Thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán bao gồm: Biên bản nghiệm thu khối</li> </ul>

	lượng được thi công lắp đặt, nhật ký thi công, hoàn công và chứng từ hợp lệ theo pháp luật của nhà thầu, và có kế hoạch vốn của cấp có thẩm quyền.
<b>E-ĐKC 38</b>	Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
<b>E-ĐKC 39.1</b>	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5% mỗi lần thanh toán
<b>E-ĐKC 40.1 (d)</b>	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi có phát sinh về khối lượng công việc ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (Khối lượng phát sinh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh theo quy định).</li> <li>- Thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc do lỗi của nhà thầu gây ra.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 40.7</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 42.1</b>	Mức phạt: Phạt do chậm tiến độ cho mỗi tuần là 2% và tổng giá trị phạt tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng.
<b>E-ĐKC 42.2</b>	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
<b>E-ĐKC 42.3</b>	Thưởng hợp đồng: Không áp dụng
<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>	
<b>E-ĐKC 47</b>	Thời gian bàn giao công trình: Dự kiến ngày 25/04/2026, Ngay sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh

	<p>không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p> <p>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.</p> <p>Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.</p> <p>Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p>
<b>E-ĐKC 48.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Dự kiến ngày 10/05/2026, trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 48.2</b>	Số tiền giữ lại: Khoảng 5% giá trị hợp đồng (tương ứng là 513.000.000 VNĐ)